

Bản án số: **44/2021/HNGĐ - ST**
Ngày 17 - 12 - 2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Chang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Quang;

Bà Võ Thị Thu Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quang Dương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 378/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; Có đơn xin vắng mặt

Địa chỉ: Tổ x, khu phố y, thị trấn PV, huyện P, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Ông Thiệu Văn T, sinh năm 1976; Có đơn xin vắng mặt

Địa chỉ: Tổ x, khu phố y, thị trấn PV, huyện P, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Về hôn nhân: Bà H và ông T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa. Bà và ông T sống chung với nhau và kết hôn là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Thời gian đầu vợ chồng bà sống hạnh phúc nhưng chỉ được một thời gian ngắn, vợ chồng bà thường xuyên cãi nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, bà H không muốn tiếp tục cuộc sống chung với ông T nên bà H làm đơn xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà H và ông T có 02 con chung là Thiệu Văn T1, sinh ngày 26/8/2007 và Thiệu Thanh H1, sinh ngày 18/12/2014. Bà H tôn trọng nguyện vọng của cháu T1, nếu cháu sống cùng bà thì bà không yêu cầu ông T

cấp dưỡng nuôi con. Bà yêu cầu được nuôi con chung Thiều Thanh H1, sinh ngày 18/12/2014, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Thiều Văn T trình bày:*

Về hôn nhân: Ông T và bà H chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa. Việc chung sống với nhau và kết hôn là do ông bà hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng ông hạnh phúc, sau một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Tại bản tự khai thì ông T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng ông chưa đến mức trầm trọng, có thể hàn gắn đoàn tụ được. Trong thời gian này ông vẫn tìm cách liên lạc với bà H để hòa giải mâu thuẫn gia đình nhưng do bà H về quê, dịch bệnh ảnh hưởng đến việc đi lại nên ông không về được để hòa giải mâu thuẫn, hàn gắn với bà H. Tại biên bản lấy lời khai, ông T trình bày bà H đã kiên quyết xin ly hôn với ông, ông không làm bà H thay đổi quyết định được nên đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của bà H.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông T và bà H có 02 con chung là Thiều Văn T1, sinh ngày 26/8/2007 và Thiều Thanh H1, sinh ngày 18/12/2014. Ông T tôn trọng nguyện vọng của cháu T1, cháu có nguyện vọng sống cùng ông nên ông sẽ nuôi cháu T1. Ông T có nguyện vọng được nuôi con chung Thiều Thanh H1, để các anh em sống gần gũi với nhau, có anh, có em. Về cấp dưỡng nuôi con ông T không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng quy định của pháp luật. HĐXX thực hiện khai mạc phiên tòa, phần thủ tục, phần tranh tụng đều đảm bảo đúng pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân, căn cứ vào bản tự khai của nguyên đơn, biên bản lấy lời khai bị đơn, nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà H, ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hạnh phúc không còn, bà H kiên quyết xin ly hôn với ông T. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị HĐXX giao con chung Thiều Văn T1, sinh ngày 26/8/2007 cho ông T nuôi dưỡng, giao con chung Thiều Thanh H1, sinh ngày 18/12/2014 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con, phù hợp với quy định của pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Từ những phân tích trên, đề nghị HĐXX xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Thiều Văn T, yêu cầu được nuôi con chung. Bị đơn ông T hiện cư trú tại khu phố y, thị trấn PV, huyện P, tỉnh Bình Dương nên đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a

khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà H và bị đơn ông T đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và bị đơn ông Thiệu Văn T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyền số 01/2007 ngày 09/3/2007, tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa. Bà H và ông T đủ điều kiện kết hôn theo Điều 8 và có đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên đơn và bị đơn thừa nhận cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên đơn cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ gia đình được và giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bị đơn. Bị đơn mong muốn vợ chồng hòa giải mâu thuẫn về sống chung nhưng nguyên đơn không đồng ý, không muốn tiếp tục cuộc sống chung với bị đơn nữa. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Thiệu Văn T.

[3] Về con chung: Căn cứ vào lời khai của bà H và ông T, Giấy khai sinh (bản sao) số 157, quyền số 01/2007 và Giấy khai sinh (bản sao) số 02/2015, quyền số 01/2015 của xã ĐT, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa xác định nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung là Thiệu Văn T1, sinh ngày 26/8/2007 và Thiệu Thanh H1, sinh ngày 18/12/2014. Hiện cháu T1 đang sống cùng với bị đơn ông T và có nguyện vọng ở cùng với ông T. Nguyên đơn bà H tôn trọng nguyện vọng của cháu T1. Cháu Thiệu Thanh H1 hiện nay đang sống cùng nguyên đơn bà H. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, đảm bảo sự ổn định về nơi ở, tâm lý của con, xem xét nguyện vọng của con đủ 7 tuổi trở lên, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX xem xét giao con chung Thiệu Văn T1, sinh ngày 26/8/2007 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Thiệu Thanh H1 cho nguyên đơn bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 264, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đối với bị đơn ông Thiều Văn T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

2. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Thiều Văn T.

3. Về con chung: Giao con chung Thiều Thanh H1, sinh ngày 18/12/2014 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung Thiều Văn T1, sinh ngày 26/8/2007 cho ông Thiều Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu phù hợp quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0043541 ngày 28/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THA dân sự huyện Phú Giáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Chang